

Số: 529 /BC-THPT

Mường Nhà, ngày 24 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường trung học phổ thông (THPT) Mường Nhà.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

Địa chỉ: Bản Na Phay 1, xã Mường Nhà.

Điện thoại: 02153.900.567; 02153.900.678

Website: thptmuongnha.dienbien.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp

Loại hình: Trường THPT công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Tầm nhìn

Là một trường THPT mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Hệ thống giá trị cơ bản

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Lịch sử hình thành

Trường THPT Mường Nhà được thành lập năm 2004 và Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, trường ngày càng lớn mạnh, trở thành địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh - học sinh - nhân dân địa phương trong khu vực. Từ mái trường này, nhiều thế hệ giáo viên, học sinh đã và đang trưởng thành, tích cực đóng góp cho công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước.

Quá trình phát triển

Qua 20 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đảm bảo quy mô 13 lớp, với 37 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chất lượng giáo dục của trường ngày càng được củng cố, uy tín ngày càng được khẳng định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên tâm huyết, đoàn kết, yêu nghề. Ngay từ những ngày đầu thành lập nhà trường đã đặt mục tiêu chất lượng giáo dục là chiến lược hàng đầu.

Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và các ban ngành đoàn thể trong trường đủ về số lượng không ngừng nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo.

Trường THPT Mường Nhà ổn định với quy mô 13 lớp, tổng số 37 CBQL, giáo viên, nhân viên.

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Đến nay sau 20 năm chi bộ đã có 23 đảng viên. Chi bộ tham gia tích cực các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, tuyên truyền và chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của mình.

Công đoàn nhà trường tuy còn non trẻ nhưng cũng đã phát huy được vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công đoàn là nơi gửi gắm tâm tư, nguyện vọng của anh chị em, đồng thời tổ chức cho cán bộ, giáo viên hưởng ứng các cuộc thi đua, các cuộc vận động của ngành. Tuy không thường xuyên nhưng công đoàn nhà trường đã tổ chức các giải thể thao nhằm tạo sân chơi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong những dịp thích hợp.

Quá trình hình thành và phát triển của trường THPT Mường Nhà luôn được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên; Các thầy, cô trong Ban Giám đốc luôn động viên, chỉ đạo Ban giám hiệu nhà trường trong những lúc khó khăn. Đảng ủy, UBND Huyện Điện Biên luôn quan tâm chỉ đạo chi bộ nhà trường trong công tác Đảng, chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong thành phố phối hợp với nhà trường trong các hoạt động trên địa bàn Huyện.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

- Thông tin người đại diện pháp luật:
- + Họ và tên: Đỗ Cao Thương
- + Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Bản Na phay 1, Xã Mường Nhà
- SĐT: 0984631006
- Email: thuongdo006@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường THPT Mường Nhà chính thức được thành lập theo được thành lập ngày 30/8/2004 theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB của UBND tỉnh Điện Biên. Đây là ngôi trường mới thành lập theo đề án xây dựng các trường THPT và PTDTNT THPT cấp huyện của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên năm 2004. Nhiệm vụ chính trị của nhà trường là đào tạo học sinh trung học phổ thông cho con em các dân tộc trên địa bàn huyện Điện Biên, Xã Mường Nhà.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 2080/QĐ-SGDĐT ngày 22/5/2023 của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THPT Mường Nhà nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ
-----	--------	---------	-----------------	--------------

1	Đỗ Cao Thượng	Hiệu trưởng	Trường THPT Mường Nhà	Chủ tịch
2	Chu Công Điền	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Mường Nhà	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Trọng Trung	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Mường Nhà	Phó Chủ tịch
4	Vũ Kiên Cường	Thư ký	Trường THPT Mường Nhà	Thư ký
5	Lê Văn Hùng	Phó Chủ tịch	PCT UBND xã Mường Nhà	Thành viên
6	Lường Văn Pân	Đại diện	Hội CMHS	Thành viên
7	Nguyễn Việt Khánh	Chủ tịch CD	Trường THPT Mường Nhà	Thành viên
8	Cà Mai Tân	Bí thư ĐTN	Trường THPT Mường Nhà	Thành viên
9	Nguyễn Thị Cảnh	Tổ trưởng	Trường THPT Mường Nhà	Thành viên
10	Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổ phó VP	Trường THPT Mường Nhà	Thành viên
11	Nguyễn Thị Thuý Hà	Kế toán	Trường THPT Mường Nhà	Thành viên
12	Tòng Minh Châu	Học sinh	Trường THPT Mường Nhà	Thành viên

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường THPT Mường Nhà

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ

quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THPT Mường Nhà là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Điện Biên.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

+ 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Chi bộ gồm 23 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 36 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 500 đoàn viên, thanh niên với 14 chi đoàn thuộc.

+ Ban Đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Đỗ Cao Thượng	Hiệu trưởng	0984631006	thuongdo006@gmail.com
2	Chu Công Diễn	Phó Hiệu trưởng	0979268342	chuongdien@gmail.com
3	Nguyễn Trọng Trung	Phó Hiệu trưởng	0972920092	trungbien8286@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn, nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I.	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng	1		1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		2	2			
II.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành							
1	Giáo viên THPT hạng I	0		0				
2	Giáo viên THPT hạng II	0						
3	Giáo viên THPT hạng III	26		26	26			
4	Thiết bị, thí nghiệm	1		1	1			
5	Giáo vụ	0		0	0			
6	Tư vấn học sinh	0		0	0			
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0	0			

III. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
1	Thư viện viên hạng IV	1		1	1			
2	Kế toán viên	1		1	1			
3	Văn thư viên trung cấp	1		1	1			
4	Cán sự thủ quỹ							
5	Y tế học đường	1		1				
IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ								
1	Nhân viên Bảo vệ	2		2				2
2	Nhân viên Phục vụ	1		1				1

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 4 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Bản Na Phay 1, Xã Mường Nhà	23895,0	
Tổng cộng			23895,0	

*** Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất**

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ² /học sinh)	35,4	39,1
2	Diện tích sàn/người học (m ² /học sinh)	1,12	1,29
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	25,8%	25,8%

4	Số đầu sách/môn học	918,7	859,7
5	Số bản sách/người học	20,85	21,57

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khôi phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo yêu cầu

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

+ Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023 - 2024 nhà trường tuyển sinh 5 lớp 10 với tổng số học sinh là

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
10	182	5	69	177	0
11	149	4	62	146	0
12	127	3	60	125	0
Toàn trường	458	12	191	448	0

2. Thống kê kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp



Xếp loại hạnh kiểm

Khối lớp	Tốt		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	102	56.0	42	23.1	21	11.5	17	9.3
11	100	67.1	28	11.4	17	11.4	4	2.7
12	87	68.5	26	20.5	13	10.2	1	0.8
Toàn trường	289	63.1	96	21	51	11.1	22	4.8

Xếp loại học lực

Khối lớp	Tốt/Giỏi		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu		Kém	
	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	2	5.4	73	40.1	101	55.5	6	3.3	0	0
11	5	3.4	88	59.1	49	32.9	7	4.7	0	0
12	2	1.6	72	56.7	50	39.4	3	2.4	0	0
Toàn trường	9	2.0	233	50.9	200	43.6	16	3.5	0	0

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2023 - 2024: 127

Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2023 - 2024: 127

Số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, đại học, cao đẳng: Khoảng 17%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2024 theo QĐ số 1422/QĐ-SGDĐT ngày 14/12/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên và các quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Căn cứ quyết định ban hành giá dịch vụ vệ sinh năm học 2024 - 2025;

Căn cứ quyết định ban hành giá dịch vụ dạy ôn tập lớp 12 năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 1011/TB-SGDĐT ngày 14/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-SGDĐT ngày 03/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của ngành Giáo dục và Đào tạo Điện Biên;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

1. Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
NỘI DUNG		
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	58.468.341	239.000.000
DỰ TOÁN GIAO (2)	5.725.000.000	2.262.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	0	397.785.000
DỰ TOÁN GIẢM CCTL (4)	0	0
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	5.783.468.341	2.659.758.000
DỰ TOÁN CHI	5.783.468.341	2.636.149.555
Tiền lương	2.083.951.013	194.953.044
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	100.788.304	
Phụ cấp lương	2.057.393.355	228.281.706
Tiền thưởng	26.100.000	

Phúc lợi tập thể	23.800.000	
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		
Các khoản đóng góp	570.262.032	13.239.305
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	13.207.200	
Thanh toán dịch vụ công cộng	44.618.707	
Vật tư văn phòng	69.759.989	
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	20.933.084	
Công tác phí	217.570.400	
Chi phí thuê mướn	81.669.353	
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	42.466.000	
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	189.430.000	
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	190.191.622	
Mua sắm tài sản vô hình	4.000.000	
Chi khác	20.507.282	39.455.500
Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	26.820.000	2.790.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	23.608.445
CHUYỂN SANG NĂM 2024	0	10.193.365
KINH PHÍ HUỖ	0	13.415.080

2. Nguồn dịch vụ:

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Học phí	VS học đường	Dạy thêm	Cho thuê căn tin	Ghi chú
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	519.431.584	73.298.500		446.133.084		
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD,	490.112.184			490.112.184		

	dịch vụ						
a	- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	490.112.184			490.112.184		
b	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng						
c	- Chi phí khấu hao TSCĐ						
d	- Chi phí hoạt động khác						
e	- Chi phí thuế GTGT						
3	Chi phí tài chính						
4	Chi phí thuế TNDN						
5	Kết quả kinh doanh dịch vụ						

3. Nguồn khác:

- Tiền gửi:

TT	Danh mục	Doanh thu	Chi phí	Còn lại
1	Lãi tiền gửi kho bạc	0	0	0
	TỔNG CỘNG			

- Bảo hiểm y tế (KP CSSKBD)

Năm trước chuyển sang: 0 đồng

Tổng cấp: 0 đồng

Tổng chi: 0 đồng

+ Chi mua thuốc, DD sát khuẩn: 0 đồng.

+ Mua vật tư, đồ dùng y tế: 0 đồng.

+ Chi khác: 0 đồng.

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024 - 2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	384	40.868.500	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	347	260.250.000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	382	229.200.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
<i>Hỗ trợ học bổng</i>			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	1	5.760.000	
Bổ sung học kỳ 2 năm học 2022-2023	2	11.920.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	1	7.200.000	
<i>Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập</i>			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	0	0	0
Bổ sung học kỳ 2 năm học 2022-2023	0	0	0
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	0	0	0

3. Công khai các khoản thu năm học 2023 - 2024

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	135.000 225.000 315.000	Nghị quyết số 04/2024/NQ- HĐND
2	Dịch vụ vệ sinh học đường	đồng/học sinh/ năm học	0	
3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	0	Khối 12: 9 tháng Khối 10,11: 12 tháng
4	Dạy thêm	đồng/học sinh/tiết	5.000	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	0	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	35	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	2.457.679.459	
III	Các khoản giảm trừ		5.016.000.000	
1	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	0	
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	0	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng	0	
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng	0	
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	0	

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

Số TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		6
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ	162.340.000	603.922.376	125.580.000	20,79%
1	Học phí	81.565.000	59.169.500	44.805.000	75,72%
2	Dịch vụ vệ sinh	0	0	0	0
3	Tiền học thêm	80.775.000	544.752.876	80.775.000	14,83%
4	Cho thuê căn tin	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.102.850.000	4.732.382.473	6.060.493.302	128,06%
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.445.930.000	3.210.522.523	4.104.366.257	127,84%
	Tiền lương	3.386.901.826	1.231.804.260	1.231.804.260	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	153.813.500	76.937.637	1.659.808.800	
	Phụ cấp lương	3.350.316.867	1.218.859.069	76.937.640	
	Phúc lợi tập thể	48.672.000	34.000.000	1.638.516.674	
	Các khoản đóng góp	6.171.042	348.453.370	461.218.709	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	902.482.703	7.560.000	0	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	111.334.049	55.694.411	50.218.586	
	Vật tư văn	35.993.114	10.574.440	12.710.040	

	phòng				
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	35.369.999	5.899.376	18.752.054	
	Công tác phí	191.633.654	56.233.400	76.918.454	
	Chi phí thuê mướn	495.000	4.473.000	0	
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	2.440.000	38.582.000	0	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	109.177.850	105.251.560	88.225.300	
	Mua sắm tài sản vô hình	21.530.000	0	0	
	Chi khác	15.384.595	0	0	
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	37.908.000	16.200.000	21.060.000	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.656.920.000	1.521.859.950	1.956.127.045	128,54%

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

